ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CÂY THỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 616 /QĐ-UBND	*Cây Thị, ngày 31 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu chi ngân sách xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ năm 2022
CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ CÂY THỊ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật NSNN ngày 25 tháng 6 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 5388/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Đồng Hỷ năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số: 22/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND xã Cây Thị về việc thông qua dự toán thu - chi ngân sách xã Cây Thị năm 2022;

Theo đề nghị của bộ phận Tài chính - kế toán ngân sách xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu chi ngân sách xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ năm 2022, cụ thể như sau:

1. Tổng số thu NSNN trên địa bàn: 260 triệu đồng
2. Tổng số thu ngân sách xã: 4.099 triệu đồng

Trong đó: - Thu hưởng điều tiết NSNN: 139 triệu đồng

- Thu bổ sung cân đối: 3.960 triệu đồng

3. Tổng số chi ngân sách xã: 4.099 triệu đồng

Trong đó: - Chi thường xuyên: 3.974 triệu đồng

- Dự phòng ngân sách: 63 triệu đồng
- Tiết kiệm chi: 62 triệu đồng

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Bộ phận Tài chính - kế toán ngân sách xã và các đơn vị liên quan tổ chức quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời

theo tiến độ để đáp ứng cân đối nhiệm vụ chi và thực hiện thu, chi theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Văn phòng HĐND và UBND xã, Kế toán ngân sách xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Đảng ủy- HĐND xã;
- KBNN Đồng Hỷ
- Chủ tịch, các phó CT xã;
- Như Điều 3;
- Lưu: VPUBND.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ CÂY THỊ H.ĐỒNG HỶ T.THÁI NGUYÊN

Dương Minh Thư

Tỉnh Thái Nguyên
Huyện Đồng Hỷ
Xã Cây Thị

Biểu số 06

PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Kèm theo QĐ số 616 /QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND xã Cây Thị)

Đơn vị: đồng

Chương	Loại	Khoản	Diễn giải	Dự toán
			I Chi thường xuyên	**3 974 000 000**
810	010	011	Ban quân sự xã	283 325 000
809	040	041	Công an xã	122 628 000
805	130	139	Sự nghiệp y tế	44 700 000
805	160	161	Sự nghiệp văn hóa thông tin	35 000 000
805	220	221	Sự nghiệp thể dục thể thao	25 000 000
805	280	281	Sự nghiệp kinh tế	25 000 000
		341	***Quản lý nhà nước***	***1 879 398 000***
802	340	341	Hội đồng nhân dân	310 460 000
805	340	341	Ủy ban nhân dân	1 568 938 000
819	340	351	Đảng ủy xã	522 338 000
		361	***Tổ chức chính trị - xã hội***	***798 031 000***
811	340	361	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã	116 478 000
812	340	361	Hội Liên hiệp phụ nữ xã	122 429 000
813	340	361	Hội Nông dân xã	116 932 000
814	340	361	Hội Cựu chiến binh xã	156 705 000
820	340	361	Mặt trận tổ quốc xã	285 487 000
		362	***Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp***	***130 504 000***
824	340	362	Hội chữ thập đỏ xã	32 681 000
825	340	362	Hội Người cao tuổi xã	24 456 000
826	340	362	Hội Khuyến học xã	18 092 000
989	340	362	Đoàn thể hội khác	55 275 000
860	370	374	Hưu xã	98 076 000
860	370	371	Chi đảm bảo công tác xã hội	10 000 000
			II Tiết kiệm chi thường xuyên 1(	**62 000 000**
			III Dự phòng ngân sách	**63 000 000**
			Tổng	**4 099 000 000**

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng số): **4.099.000.000** đồng

Tổng dự toán chi ngân sách xã (bằng chữ): **Bốn tỷ không trăm chín mươi chín triệu đồng.**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Mười

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
Chủ tịch

Dương Minh Thư

Tỉnh Thái nguyên

Huyện Đồng hỷ

Xã Cây Thị

Mẫu biểu số 01
(Ban hành theo thông tư số 344/2016 TT-BTC ngày 30/12/2016 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo QĐ UBND số 616 ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Đơn vị tính: 1000 đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	4 099 000	Tổng số chi	4 099 000
I.Các khoản thu xã hưởng 100%	124 000	I.Chi đầu tư phát triển	
II.Các khoản thu theo tỷ lệ %	15 000	II.Chi thường xuyên	3 974 000
III.Thu bổ sung	3 960 000	III.Dự phòng	63 000
Thu bổ xung cân đối ngân sách	3 960 000	IV.Tiết kiệm chi 10%	62 000
Thu bổ xung có mục tiêu			
IV.Thu chuyển nguồn			

Tỉnh Thái nguyên
Huyện Đồng hỷ
Xã Cây Thị

Mẫu biểu số 02
(Ban hành theo thông tư số 344/2016 TT-BTC
ngày 30/12/2016 của BTC)

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo QĐ UBND số 616 ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Đơn vị tính:1000 đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán 2022		So sánh	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
Tổng số thu	4 662 300	4 556 300	4 220 000	4 099 000	91	90
1. Các khoản thu 100%	66 200	66 200	124 000	124 000	187	187
- Phí, lệ phí	16 200	16 200	19 000	19 000	117	117
Phí chứng thư,chứng thực,hộ tịch			13 000	13 000		
Phí môn bài			6 000	6 000		
Giá trị gia tăng	32 000	32 000	100 000	100 000	313	313
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	18 000	18 000	**5 000**	5 000	28	28
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	120 100	14 100	136 000	15 000	113	106
1. Các khoản thu phân chia	120 100	14 100	136 000	15 000		
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4 100	4 100	4 000	4 000	98	98
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
Thuế thu nhập cá nhân thu từ CQSDĐ	80 000		60 000		75	
Thuế thu nhập cá nhân thu từ SXKD	16 000		50 000		313	
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	20 000	10 000	22 000	11 000	110	110
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
V. Thu chuyển nguồn						
. Thu kết dư ngân sách năm trước						
I. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4 476 000	4 476 000	3 960 000	3 960 000	88	88
Bổ sung cân đối ngân sách	4 476 000	4 476 000	3 960 000	3 960 000	88	88
Bổ sung có mục tiêu						

Tỉnh Thái nguyên
Huyện Đồng hỷ
Xã Cây Thị

Mẫu biểu số 03
(Ban hành theo thông tư số 344/2016 TT-BTC ngày 30/12/2016 của BTC)

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo QĐ UBND số 616 ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Đơn vị tính:1000 đồng

Nội dung	UTH Dự toán năm 2021			Dự toán 2022			So sánh		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6		8=5/2	9=6/3	10=7/4
Tổng số chi	4 517 898		4 517 898	4 099 000		4 099 000	90,73		90,7
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	442 000		442 000	405 953		405 953	91,84		91,8
- Chi dân quân tự vệ	277 000		277 000	283 325		283 325	102,28		102,3
- Chi trật tự an toàn xã hội	165 000		165 000	122 628		122 628	74,32		74,3
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	31 000		31 000	44 700		44 700	144,19		144,2
5. Chi văn hóa, thông tin	22 000		22 000	35 000		35 000	159,09		159,1
6. Chi công tác thanh tra giám sát ĐTCĐ	10 000		10 000	10 000		10 000	100,00		100,0
7. Chi thể dục, thể thao	15 000		15 000	25 000		25 000	166,67		166,7
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	25 000		25 000	25 000		25 000	100,00		100,0
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3 874 822		3 874 822	3 320 271		3 320 271	85,69		85,7
Trong đó: Quỹ lương									
10.1. Quản lý Nhà nước	2 293 822		2 293 822	1 879 398		1 879 398	81,93		81,9
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	525 000		525 000	522 338		522 338	99,49		99,5
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	293 600		293 600	275 487		275 487	93,83		93,8
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	160 200		160 200	116 478		116 478	72,71		72,7
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	165 000		165 000	122 429		122 429	74,20		74,2
10.6. Hội Cựu chiến binh	165 000		165 000	156 705		156 705	94,97		95,0
10.7. Hội Nông dân	141 200		141 200	116 932		116 932	82,81		82,8
10.8. Chi các tổ chức XH khác	131 000		131 000	130 504		130 504	99,62		99,6
11. Chi cho công tác xã hội	98 076		98 076	108 076		108 076	110,20		110,2
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	98 076		98 076	98 076		98 076	100,00		100,0
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội				10 000		10 000			
12.Tiết kiệm chi	45 000		45 000	62 000		62 000	137,78		137,8
13. Dự phòng	72 000		72 000	63 000		63 000	87,50		87,5

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
XÃ CÂY THỊ	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22 /NQ-HĐND	*Cây Thị, ngày 31 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua dự toán Thu - Chi ngân sách xã năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ CÂY THỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn ;

Căn cứ QĐ số 5388/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội huyện Đồng Hỷ năm 2022 ;

Xét Tờ trình số 529/TTr-UBND ngày 31/12/2021 của UBND xã về việc đề nghị phê chuẩn phân bổ dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2022 và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu hội đồng nhân dân xã,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu- chi ngân sách xã Cây Thị năm 2022 như sau:

1. Thu ngân sách:

- Thu ngân sách trong cân đối:260.000.000 đồng
- Tổng thu ngân sách xã: 4.099.000.000 đồng

Trong đó: + Thu điều tiết: 139.000.000đồng

+ Thu từ nguồn bổ sung cân đối: 3.960.000.000 đồng

2. Chi ngân sách: (*Có biểu chi tiết kèm theo*)

Tổng chi ngân sách: 4.099.000.000 đồng

- Chi thường xuyên: 3.974.000.000 đồng
- Tiết kiệm 10% chi thường xuyên: 62.000.000 đồng
- Dự phòng NS: 63.000.000 đồng

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao UBND xã Cây Thị triển khai, tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Giao thường trực HĐND, các Ban HĐND, các vị đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Cây Thị khoá XX, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua tại kỳ họp thứ 3 ngày 31 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:
- HĐND - UBND huyện;
- Ban pháp chế HĐND huyện;
- Đảng ủy – Các đại biểu HĐND xã;
- Các ban, ngành UBND xã (T/h)
- Lưu: TT-HĐND, VP-HĐND.

CHỦ TỊCH

Phạm Thanh Sao

Tỉnh Thái nguyên

Huyện Đồng hỷ

Xã Cây Thị

Mẫu biểu số 01
(Ban hành theo thông tư số 344/2016 TT-BTC ngày 30/12/2016 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo NQ HĐND số 22 ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Đơn vị tính: 1000 đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	4 099 000	Tổng số chi	4 099 000
I.Các khoản thu xã hưởng 100%	124 000	I.Chi đầu tư phát triển	
II.Các khoản thu theo tỷ lệ %	15 000	II.Chi thường xuyên	3 974 000
III.Thu bổ sung	3 960 000	III.Dự phòng	63 000
Thu bổ xung cân đối ngân sách	3 960 000	IV.Tiết kiệm chi 10%	62 000
Thu bổ xung có mục tiêu			
IV.Thu chuyển nguồn			

Tỉnh Thái nguyên
Huyện Đồng hỷ
Xã Cây Thị

Mẫu biểu số 02
(Ban hành theo thông tư số 344/2016 TT-BTC
ngày 30/12/2016 của BTC)

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo NQ HĐND số 22 ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Đơn vị tính:1000 đồng

Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán 2022		So sánh	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
Tổng số thu	4 662 300	4 556 300	4 220 000	4 099 000	91	90
1. Các khoản thu 100%	66 200	66 200	124 000	124 000	187	187
- Phí, lệ phí	16 200	16 200	19 000	19 000	117	117
Phí chứng thư,chứng thực,hộ tịch			13 000	13 000		
Phí môn bài			6 000	6 000		
Giá trị gia tăng	32 000	32 000	100 000	100 000	313	313
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	18 000	18 000	**5 000**	5 000	28	28
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	120 100	14 100	136 000	15 000	113	106
1. Các khoản thu phân chia	120 100	14 100	136 000	15 000		
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4 100	4 100	4 000	4 000	98	98
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
Thuế thu nhập cá nhân thu từ CQSDĐ	80 000		60 000		75	
Thuế thu nhập cá nhân thu từ SXKD	16 000		50 000		313	
Lệ phí trước bạ nhà, đất	20 000	10 000	22 000	11 000	110	110
Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
I. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp o xã (nếu có)						
. Thu chuyển nguồn						
Thu kết dư ngân sách năm trước						
Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4 476 000	4 476 000	3 960 000	3 960 000	88	88
ổ sung cân đối ngân sách	4 476 000	4 476 000	3 960 000	3 960 000	88	88
ổ sung có mục tiêu						

Tỉnh Thái nguyên
Huyện Đồng hỷ
Xã Cây Thị

Mẫu biểu số 03
(Ban hành theo thông tư số 344/2016 TT-BTC ngày 30/12/2016 của BTC)

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo NQ HĐND số 22 ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Đơn vị tính:1000 đồng
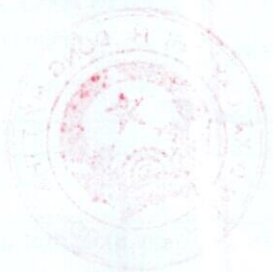
Nội dung	ƯTH Dự toán năm 2021			Dự toán 2022			So sánh		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1	2	3	4	5	6		8=5/2	9=6/3	10=7/4
Tổng số chi	4 517 898		4 517 898	4 099 000		4 099 000	90,73		90,7
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	442 000		442 000	405 953		405 953	91,84		91,8
- Chi dân quân tự vệ	277 000		277 000	283 325		283 325	102,28		102,3
- Chi trật tự an toàn xã hội	165 000		165 000	122 628		122 628	74,32		74,3
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	31 000		31 000	44 700		44 700	144,19		144,2
5. Chi văn hóa, thông tin	22 000		22 000	35 000		35 000	159,09		159,1
6. Chi công tác thanh tra giám sát ĐTCĐ	10 000		10 000	10 000		10 000	100,00		100,0
7. Chi thể dục, thể thao	15 000		15 000	25 000		25 000	166,67		166,7
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	25 000		25 000	25 000		25 000	100,00		100,0
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3 874 822		3 874 822	3 320 271		3 320 271	85,69		85,7
Trong đó: Quỹ lương									
10.1. Quản lý Nhà nước	2 293 822		2 293 822	1 879 398		1 879 398	81,93		81,9
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	525 000		525 000	522 338		522 338	99,49		99,5
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	293 600		293 600	275 487		275 487	93,83		93,8
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	160 200		160 200	116 478		116 478	72,71		72,7
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	165 000		165 000	122 429		122 429	74,20		74,2
10.6. Hội Cựu chiến binh	165 000		165 000	156 705		156 705	94,97		95,0
10.7. Hội Nông dân	141 200		141 200	116 932		116 932	82,81		82,8
10.8. Chi các tổ chức XH khác	131 000		131 000	130 504		130 504	99,62		99,6
11. Chi cho công tác xã hội	98 076		98 076	108 076		108 076	110,20		110,2
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	98 076		98 076	98 076		98 076	100,00		100,0
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội				10 000		10 000			
12.Tiết kiệm chi	45 000		45 000	62 000		62 000	137,78		137,8
13. Dự phòng	72 000		72 000	63 000		63 000	87,50		87,5